

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **116/2020/DS-ST**
Ngày: **19/06/2020**.
V/v tranh chấp: **hợp đồng vay
tài sản.**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Tuấn Anh**;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Ngọc Sương**
- Bà Nguyễn Thị Thúy Loan**

Thư ký phiên tòa: bà **Trần Thị Ngọc Thúy**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa: ông **Nguyễn Văn Quý** - Kiểm sát viên

Trong ngày 19 tháng 06 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2020/TLST-DS ngày 27/02/2020 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2019/QĐST-DS ngày 19/05/2020, quyết định hoãn phiên tòa số 27/2020/QĐST-DS ngày 03/06/2020 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây giữa các đương sự:

❖ Nguyên đơn: **NGÂN HÀNG C**;

Địa chỉ: số *, phố L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội,

Đại diện theo pháp luật ông **Dương Quyết T** – Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền ông **Nguyễn Văn Q** – Phó Giám đốc phụ trách Phòng giáo dịch huyện G

❖ Bị đơn: **NGUYỄN VĂN T** – sinh năm 1984;

NGUYỄN THỊ TRÚC L - sinh năm 1987

Cùng địa chỉ: ấp H, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang;

(ông Q có mặt, ông T, bà L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C trình bày: Ngày 15/5/2015 Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện G có phê duyệt cho hộ Nguyễn Thị Trúc L vay số tiền 50.000.000 đồng, mã món vay 6600000704281722 ngày 18/5/2015, lãi suất

0,72%/tháng, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 18/5/2020 với mục đích chăn nuôi bò sinh sản thuộc chương trình cho vay hộ cận nghèo, là thành viên tổ tiết kiệm và vay vốn do bà Phạm Thị T làm tổ trưởng, thuộc Hội phụ nữ xã B quản lý. Theo hợp đồng 6600000704281722 ngày 05/5/2015 thỏa thuận giữa Ngân hàng và hộ vay là 12 tháng trả nợ gốc 01 lần, số tiền trả mỗi lần là 10.000.000 đồng, kỳ trả đầu tiên bắt đầu vào ngày 18/5/2016 và thực hiện trả lãi hàng tháng kể từ ngày 18/6/2015. Bà Nguyễn Thị Trúc L đã thực hiện trả nợ góp 4 lần vào ngày 18/6/2016, 18/10/2016, 18/8/2017 và 18/9/2017 với tổng số tiền là 20.000.000 đồng. Số tiền còn nợ lại là 30.000.000 đồng đến nay bà L đã bỏ địa phương đi không thực hiện trả nợ lãi và gốc theo hợp đồng. Nay Ngân hàng yêu cầu chấm dứt hợp đồng tín dụng số 6600000704281722 ngày 05/5/2015 giữa Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện G với hộ bà Nguyễn Thị Trúc L, yêu cầu bà Nguyễn Thị Trúc L và ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng số tiền vốn gốc là 30.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tạm tính đến ngày 26/2/2020 là 5.481.087 đồng, yêu cầu trả vốn và lãi ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Trúc L đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông T, bà L nhưng ông T, bà L không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C.

Tại phiên Tòa hôm nay

Nguyên đơn Ngân hàng C đại diện là ông Nguyễn Văn Q yêu cầu ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Trúc L trả số tiền vốn vay là 30.000.000 đồng và lãi tính đến ngày 19/06/2020 là .6.358.815 đồng, tổng cộng là 36.358.815 đồng, ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Trúc L vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C, buộc bà Nguyễn Thị Trúc L và ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng C số tiền vốn 30.000.000.000 đồng và tiền lãi là 3.358.815 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cùng lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xác định quan hệ đang tranh chấp là hợp đồng vay tài sản .

[1] Xét bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Trúc L đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng ông T, bà L vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt ông T, bà L.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C là có cơ sở vì giữa Ngân hàng C - Phòng giao dịch huyện G và bà Nguyễn Thị Trúc L có ký hợp đồng vay vốn kiêm

phương án sử dụng vốn vay theo chương trình cho vay hộ cận nghèo ngày 15/5/2015, để vay số tiền 50.000.000 đồng để chăn nuôi bò sinh sản. Thời hạn là 60 tháng, kỳ hạn trả nợ 12 tháng/lần với số tiền là 10.000.000 đồng, lãi trả hàng tháng, hạn trả cuối cùng là ngày 18/5/2020. Sau khi vay bà L đã trả được 20.000.000 đồng tiền vốn vào các ngày 18/6/2016, 18/10/2016, 18/8/2017, 18/9/2017 và tiền lãi đến ngày 18/4/2018 là 10.155.600 đồng rồi ngưng luôn cho đến nay, hiện còn nợ lại tiền vốn là 30.000.000 đồng. Cho thấy bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C buộc bà Nguyễn Thị Trúc L có trách nhiệm trả cho ngân hàng C số tiền vốn là 30.000.000 đồng.

[3] Về yêu cầu tính lãi của Ngân hàng C yêu cầu tính lãi đến ngày Tòa xét xử là ngày 19/06/2020 với số tiền là 6.358.815 đồng. Xét yêu cầu này là có cơ sở vì căn cứ vào Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng về việc "quy định lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng", căn cứ vào giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn vay ngày 15/5/2015 giữa Ngân hàng C và bà L đã thỏa thuận mức lãi suất. Lãi suất mà phía Ngân hàng yêu cầu phù hợp với mức lãi suất của hợp đồng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tính lãi của Ngân hàng, buộc bà L trả cho Ngân hàng C số tiền lãi là 6.358.815 đồng.

[4] Đối với ông Nguyễn Văn T là chồng của bà Nguyễn Thị Trúc L cũng là người thừa kế món vay này, đồng thời cũng là thành viên trong hộ của bà L, với món vay bà L vay của Ngân hàng C theo chương trình cho vay hộ cận nghèo chăn nuôi bò sinh sản. Cho thấy việc bà L vay tiền của Ngân hàng C là để phát triển kinh tế gia đình, là nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Do đó ông T cũng có trách nhiệm liên đới trả tiền theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về thời gian trả: Ngân hàng C yêu cầu trả tiền vốn và lãi ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét yêu cầu này là có cơ sở vì số tiền này ông T, bà L để kéo dài không trả cho Ngân hàng đã ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng nên cần buộc ông T, bà L trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào các Điều 174, 175, 179, 227, 233, 235 Bộ luật tố tụng dân sự
- Áp dụng các Điều 274, 280, 317, 320, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015
- Áp dụng Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng.
- Áp dụng Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình
- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: - Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C

Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Trúc L có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng C số tiền vốn là 30.000.000 đồng và lãi là 6.358.815 đồng, tổng cộng là **36.358.815** đồng (ba mươi sáu triệu ba trăm năm mươi tám nghìn tám trăm mười lăm đồng), ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 20/06/2020 ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Trúc L, còn phải tiếp tục trả lãi cho ngân hàng C theo mức lãi suất của giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 15/5/2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Về án phí:

- Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Trúc L phải chịu **1.817.900** đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng C được miễn nộp tiền tạm ứng án phí.

Báo nguyên đơn có mặt biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Báo bị đơn vắng mặt biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt án văn hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- THA.DS huyện Gò Công Tây
- Các đương sự.
- Lưu: hồ sơ, án văn.

Nguyễn Văn Tuấn Anh

